

PROTIA™ *Allergy-Q*

XÉT NGHIỆM PHÁT HIỆN ĐỒNG THỜI NHIỀU DỊ NGUYÊN



PROTIA <i>Allergy-Q</i>	Inhalant panel
PROTIA <i>Allergy-Q</i>	Food panel
PROTIA <i>Allergy-Q</i>	Atopy panel
PROTIA <i>Allergy-Q 64</i>	Inhalant panel
PROTIA <i>Allergy-Q 64</i>	Food panel
PROTIA <i>Allergy-Q 64</i>	S panel
PROTIA <i>Allergy-Q 10</i>	A panel
PROTIA <i>Allergy-Q 96</i>	M panel

Các đặc tính của PROTIA Allergy-Q

Xét nghiệm phát hiện số lượng dị nguyên nhiều nhất thế giới

- Hơn 60 dị nguyên trên một panel.

Cấu hình nhỏ gọn

- Nhiều cột dị nguyên được tích hợp vào một panel để tiết kiệm thời gian và chi phí.
- Tăng số lượng dị nguyên cần phân tích lên 2 hoặc 3 lần bằng cách xếp thêm vào.

Xét nghiệm chỉ cần 1 lượng nhỏ mẫu máu

- Chỉ cần 50 μ l huyết thanh hoặc huyết tương cho xét nghiệm hơn 60 dị nguyên (hữu ích trong Nhi khoa).

Hiệu chuẩn trên dài

- Phân tích định lượng bằng cách sử dụng nhiều vạch tiêu chuẩn trên 1 panel.

Mẫu kết quả rõ ràng và nhiều thông tin

Hệ thống PROTIA Allergy-Q



[PROTIA Allergy-Q]



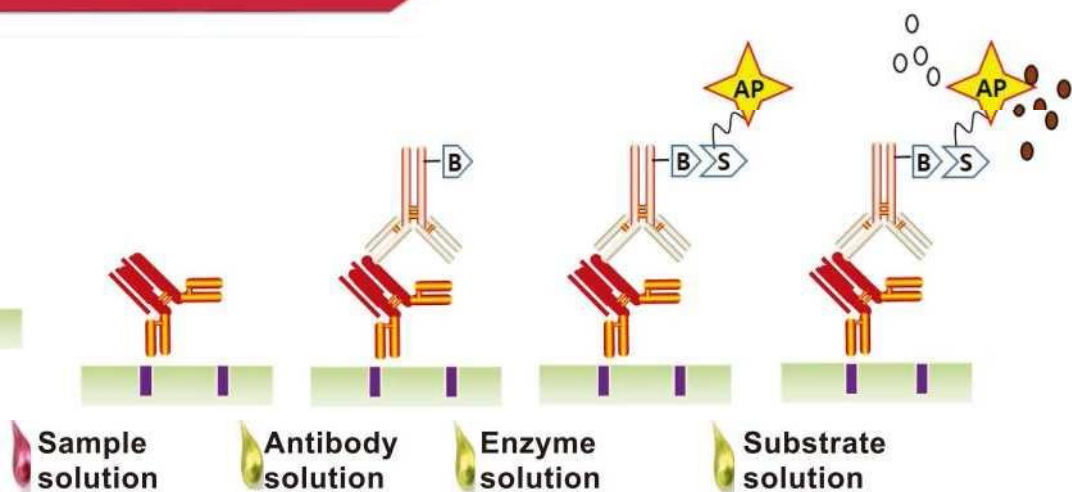
[Q-STATION ELITE]



[Q-SCAN+]

Phương pháp phân tích

Lớp màng cố định dị nguyên



: sIgE in Sample

: anti-h-IgE

B: Biotin S: Streptavidin AP: Alkaline Phosphatase

○: Substrate ●: Colored product

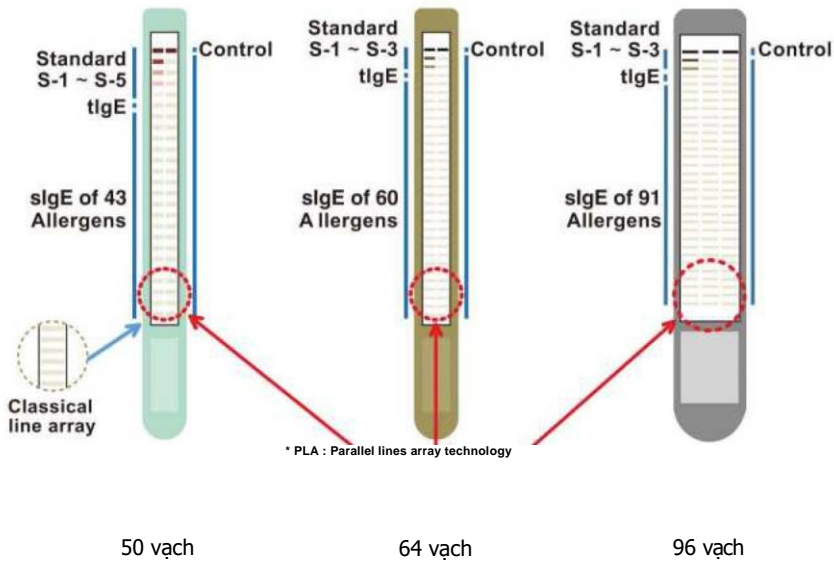
Các loại panel

PROTIA Allergy-Q 64						PROTIA Allergy-Q 64S					
Inhalant panel			Food panel			64S panel					
N.	Dị nguyên	N.	Dị nguyên	N.	Dị nguyên	N.	Dị nguyên	N.	Dị nguyên	N.	Dị nguyên
1	IgE toàn phần	32	Cỏ Sweet vernal/ Cỏ nón/ Cây sậy/ Cỏ ướn Brent	1	IgE toàn phần	32	Cá bơn sao/ Cá minh thái Alaska	1	IgE toàn phần	31	Lòng đỏ trứng
2	Bụi nhà			2	Bụi nhà	33	Tôm hùm/ Mực ống	2	Bụi nhà	32	Sữa
3	Mạt nhà D.pteronyssin-us	33	Cỏ Gà (cỏ Bermuda)	3	Mạt nhà D.pteronyssin-us	34	Lươn	3	Mạt nhà D.pteronyssin-us	33	Pho mát
4	Mạt nhà D.farinae	34	Cỏ Timothy	4	Mạt nhà D.farinae	35	Vẹm xanh/ Hàu/ Nghêu (ngao)/ Sò điệp	4	Mạt nhà D.farinae	34	Đậu phộng
5	Lớp sừng da mèo	35	Nấm Penicillium notatum	5	Lớp sừng da mèo			5	Lớp sừng da mèo	35	Đậu nành
6	Lớp sừng da chó	36	Nấm Candida albicans	6	Lớp sừng da chó	36	Nhộng tằm	6	Lớp sừng da chó	36	Lúa mì
7	Lòng trắng trứng	37	Cây phi	7	Lòng trắng trứng	37	Thịt lợn	7	Gián	37	Tôm
8	Sữa	38	Cây Ô-liu	8	Sữa	38	Thịt bò	8	Lúa mạch đen	38	Tôm hùm
9	Gián	39	Lá cây phong	9	Gián	39	Thịt gà	9	Cỏ phấn hương	39	Cá tuyết đen
10	Đậu phộng	40	Cây liễu	10	Đậu phộng	40	Thịt cừu	10	Cỏ Timothy	40	Đại mạch
11	Đậu nành	41	Cây dương đen	11	Đậu nành	41	Pho mát/ Pho mát cứng	11	Nấm A. alternata (m6)	41	Gạo
12	Lúa mì	42	Cây Tần bì trắng	12	Lúa mì	42	Đại mạch	12	Nấm A.fumigatus	42	Đậu Hà lan
13	Cây Trăn	43	Cây Thông trắng	13	Cây Trăn	43	Gạo	13	Nấm Penicillium notatum	43	Vừng
14	Cây Bạch Dương	44	Cây Thông liễu	14	Cây Bạch Dương	44	Kiều mạch	14	Nấm Candida albicans	44	Táo
15	Cây sồi	45	Cây keo	15	Cây sồi	45	Nấm men bánh mì	15	Phấn hoa ô liu	45	Xoài/ Chuối
16	Cỏ Phấn hương	46	Cây Cúc mắt bò	16	Cỏ phấn hương	46	Ngô	16	Nọc ong mật	46	Đào
17	Hoa bia Nhật Bản	47	Cây bồ công anh	17	Hoa bia Nhật Bản	47	Cà rốt	17	Ngựa	47	Dâu tây
18	Ngải cứu	48	Cây Chuối lá	18	Ngải cứu	48	Khoai tây	18	Chuột nhà/ Chuột cống	48	Cà chua
19	Nấm A. alternata	49	Cây ké sữa Nga	19	Nấm A. alternata	49	Tỏi/ hành tây	19	Thỏ	49	Ngô
20	Nấm C.herbarum	50	Cúc Hoàng Anh	20	Nấm C.herbarum	50	Cần tây	20	Cừu, len lông cừu	50	Cà rốt
21	Nấm A.fumigatus	51	Rau sam	21	Nấm A.fumigatus	51	Dưa chuột	21	Mạt A.siro	51	Khoai tây
22	Cua	52	Mũ cây cao su	22	Cua	52	Cà chua	22	Mạt T.pulrescentiae	52	Tỏi/ hành tây
23	Tôm	53	Nọc ong mật	23	Tôm	53	Cam, chanh	23	Cây keo	53	Bí ngô
24	Cá thu	54	Nọc ong bắp cày	24	Cá thu	54	Dâu tây	24	Cây Tần bì trắng	54	Cà tím
25	Lúa mạch đen	55	Chuột nhắt/ Chuột cống	25	Lúa mạch đen	55	Kiwi/ Xoài/ Chuối	25	Các carbohydrate gây phản ứng chéo	55	Dưa chuột
26	Các carbohydrate gây phản ứng chéo	56	Thỏ	26	Các carbohydrate gây phản ứng chéo	56	Hạt Dẻ	26	Nấm men bánh mì	56	Cam
27	Đào	57	Chuột lang	27	Đào	57	Quả Óc chó	27	Hạt hạnh nhân	57	Thịt lợn
28	Táo	58	Cừu và len lông cừu	28	Táo	58	Cây phi	28	Cây phi	58	Thịt bò
29	Vừng	59	Chuột hamster	29	Vừng	59	Hạt hạnh nhân/ hạt thông/ hạt hướng dương	29	Dừa	59	Thịt gà
30	Mạt A.siro	60	Ngựa	30	Cá tuyết đen			30	Lòng trắng trứng	60	Thịt cừu
31	Mạt T.pulrescentiae			31	Cá ngừ/ Cá hồi	60	Hạt cacao				

Các loại panel

PROTIA Allergy-Q 96M						PROTIA Allergy-Q Atopy		PROTIA Allergy-Q 10A	
96M panel						Atopy panel		10A panel	
N.	Dị nguyên	N.	Dị nguyên	N.	Dị nguyên	N.	Dị nguyên	N.	Dị nguyên
1	IgE toàn phần			62	Cá ngừ/ cá hồi	1	IgE toàn phần		
2	Bụi nhà	32	Cỏ Sweet vernal/ Cỏ nón/ Cây sậy/ Cỏ uồn Brent	63	Cá bơn sao/ cá minh thái Alaska	2	Lòng trắng trứng	1	Mạt nhà D.pteronyssinus/ Mạt nhà D.farinae
3	Mạt nhà D.pteronyssinus	33	Cỏ gà	64	Tôm hùm/ Mực ống	3	Lòng đỏ trứng	2	Gián
4	Mạt nhà D.farinae	34	Cỏ Timothy	65	Lươn	4	Sữa	3	Chó/ Mèo
5	Lớp sừng da mèo	35	Nấm Penicillium notatum	66	Vệ xanh/ hầu/ nghêu (ngao)/ Sò điệp	5	α - lactalbumin		
6	Lớp sừng da chó	36	Nấm Candida albicans	67	Nhộng tằm	6	β - lactoglobulin		
7	Lòng trắng trứng	37	Cây phỉ	68	Thịt lợn	7	Casein	4	Sữa
8	Sữa	38	Cây Ô liu	69	Thịt bò	8	Đậu phộng		
9	Gián	39	Lá cây Phong	70	Thịt gà	9	Đậu Hà lan		
10	Đậu phộng	40	Cây Liễu	71	Thịt cừu	10	Đậu nành		
11	Đậu nành	41	Cây Dương đen	72	Pho mát/ Pho mát cứng	11	Hạt Óc Chó	5	Lòng trắng trứng
12	Lúa mì	42	Cây Tần bì trắng	73	Đại mạch	12	Thịt lợn		
13	Cây Trăn	43	Cây Thông trắng	74	Gạo	13	Thịt gà		
14	Cây Bạch Dương	44	Cây Thông liễu	75	Kiêu mạch	14	Cá tuyết đen	6	Lúa mì
15	Cây Sồi	45	Cây Keo	76	Nấm men bánh mì	15	Cá thu		
16	Cỏ phấn hương	46	Cúc mắt bò	77	Ngô	16	Cua		
17	Hoa bia Nhật Bản	47	Cây bồ công anh	78	Cà rốt	17	Tôm		
18	Ngải cứu	48	Cây lá	79	Khoai tây	18	Đào	7	Tôm
19	Nấm A.alternata	49	Cây kế sữa Nga	80	Tỏi/ Hành tây	19	Táo		
20	Nấm C.herbarum	50	Cúc Hoàng Anh	81	Cần tây	20	Bụi nhà		
21	Nấm A.fumigatus	51	Rau sam	82	Dừa chuột	21	Mạt nhà D.pteronyssinus	8	Đậu phộng
22	Cua	52	Mủ cây cao su	83	Cà chua	22	Mạt nhà D.farinae		
23	Tôm	53	Nọc ong mật	84	Cà chanh	23	Gián		
24	Cá thu	54	Nọc ong bắp cày	85	Dâu tây	24	Lông chó		
25	Lúa mạch đen	55	Chuột nhắt/ Chuột cống	86	Kiwi/ Xoài/ Chuối	25	Nấm A.alternata	9	Cây Bạch Dương
26	Các carbohydrate gây phản ứng chéo	56	Thỏ	87	Hạt Dẻ	26	Nấm C.herbarum		
27	Đào	57	Chuột lang nhà	88	Hạt Óc Chó	27	Nấm A.fumigatus		
28	Táo	58	Cừu, len lông cừu	89	Hạt Phỉ	28	Nấm Penicillium notatum	10	Hạt Óc Chó
29	Vừng	59	Chuột hamster	90	Hạt hạnh nhân/ Hạt thông/ hạt hướng dương	29	Nấm Candida albicans		
30	Mạt A.Siro	60	Ngựa	91	Hạt Cacao	30	Lớp sừng da mèo		
31	Mạt T.pulrescentiae	61	Cá tuyết đen			31	Độc tố Staphylococcal enterotoxin B		
Tổng cộng 107 dị nguyên						32	Cây Bạch Dương- Cây Trăn	Tổng cộng 12 dị nguyên	
						33	Cây Sồi		
						34	Cỏ Phấn hương		
						35	Ngải cứu		
Tổng cộng 107 dị nguyên						36	Hoa bia Nhật Bản	Tổng cộng 44 dị nguyên	
						37	Hoa bia Nhật Bản		

Công nghệ PROTIA Allergy-Q



- Parallel lines array (PLA): Công nghệ chip sinh học đa môi
(Đã đăng kí bằng sáng chế KR 1570327)

Số lượng dị nguyên

- Atopy panel (44 dị nguyên),
- Inhalant panel (64 dị nguyên),
- Food panel (72 dị nguyên),
- 64S panel (63 dị nguyên),
- 10A panel (12 dị nguyên)
- 96M panel (107 dị nguyên),

Hiệu chuẩn bằng các vạch tiêu chuẩn trên mỗi panel

Phương pháp tự động hoàn toàn



[Q-STATION ELITE]

- Hệ thống hoàn toàn tự động
- 48 mẫu xét nghiệm trên 1 lần chạy
- Chạy đồng thời nhiều panel (Inhalant, Food, Atopy)



Phương pháp thủ công



[Q-SCAN+]

- Đọc 2 mẫu xét nghiệm trên 1 lần chạy
- Trọng lượng nhẹ (5kg)
- Kích thước gọn nhẹ (24 X 11 X 26cm)

PROTIA Allergy-Q64 Food		PROTIA Allergy-Q64 Food							
No.	Name	Code	Unit	Class	No.	Name	Code	Unit	Class
1	Egg yolk	01	0.05	0	31	Walnut	020	0.05	0
2	Wheat flour	02	0.05	0	32	Almond	021	0.05	0
3	Yeast	03	0.05	0	33	Cashew	022	0.05	0
4	Egg white	04	0.05	0	34	Peanut	023	0.05	0
5	Cooking oil	05	0.05	0	35	Soybean	024	0.05	0
6	Barley	06	0.05	0	36	Mustard	025	0.05	0
7	Egg yolk	07	0.05	0	37	Mustard seed	026	0.05	0
8	Milk	08	0.05	0	38	Mustard seed	027	0.05	0
9	Cooking oil	09	0.05	0	39	Mustard seed	028	0.05	0
10	Wheat flour	10	0.05	0	40	Mustard seed	029	0.05	0
11	Egg yolk	11	0.05	0	41	Mustard seed	030	0.05	0
12	Wheat flour	12	0.05	0	42	Mustard seed	031	0.05	0
13	Milk	13	0.05	0	43	Mustard seed	032	0.05	0
14	Egg yolk	14	0.05	0	44	Mustard seed	033	0.05	0
15	Egg yolk	15	0.05	0	45	Mustard seed	034	0.05	0
16	Wheat flour	16	0.05	0	46	Mustard seed	035	0.05	0
17	Wheat flour	17	0.05	0	47	Mustard seed	036	0.05	0
18	Wheat flour	18	0.05	0	48	Mustard seed	037	0.05	0
19	Wheat flour	19	0.05	0	49	Mustard seed	038	0.05	0
20	Wheat flour	20	0.05	0	50	Mustard seed	039	0.05	0
21	Wheat flour	21	0.05	0	51	Mustard seed	040	0.05	0
22	Wheat flour	22	0.05	0	52	Mustard seed	041	0.05	0
23	Wheat flour	23	0.05	0	53	Mustard seed	042	0.05	0
24	Wheat flour	24	0.05	0	54	Mustard seed	043	0.05	0
25	Wheat flour	25	0.05	0	55	Mustard seed	044	0.05	0
26	Wheat flour	26	0.05	0	56	Mustard seed	045	0.05	0
27	Wheat flour	27	0.05	0	57	Mustard seed	046	0.05	0
28	Wheat flour	28	0.05	0	58	Mustard seed	047	0.05	0
29	Wheat flour	29	0.05	0	59	Mustard seed	048	0.05	0
30	Wheat flour	30	0.05	0	60	Mustard seed	049	0.05	0
31	Wheat flour	31	0.05	0	61	Mustard seed	050	0.05	0
32	Wheat flour	32	0.05	0	62	Mustard seed	051	0.05	0
33	Wheat flour	33	0.05	0	63	Mustard seed	052	0.05	0
34	Wheat flour	34	0.05	0	64	Mustard seed	053	0.05	0
35	Wheat flour	35	0.05	0	65	Mustard seed	054	0.05	0
36	Wheat flour	36	0.05	0	66	Mustard seed	055	0.05	0
37	Wheat flour	37	0.05	0	67	Mustard seed	056	0.05	0
38	Wheat flour	38	0.05	0	68	Mustard seed	057	0.05	0
39	Wheat flour	39	0.05	0	69	Mustard seed	058	0.05	0
40	Wheat flour	40	0.05	0	70	Mustard seed	059	0.05	0
41	Wheat flour	41	0.05	0	71	Mustard seed	060	0.05	0
42	Wheat flour	42	0.05	0	72	Mustard seed	061	0.05	0
43	Wheat flour	43	0.05	0	73	Mustard seed	062	0.05	0
44	Wheat flour	44	0.05	0	74	Mustard seed	063	0.05	0
45	Wheat flour	45	0.05	0	75	Mustard seed	064	0.05	0
46	Wheat flour	46	0.05	0	76	Mustard seed	065	0.05	0
47	Wheat flour	47	0.05	0	77	Mustard seed	066	0.05	0
48	Wheat flour	48	0.05	0	78	Mustard seed	067	0.05	0
49	Wheat flour	49	0.05	0	79	Mustard seed	068	0.05	0
50	Wheat flour	50	0.05	0	80	Mustard seed	069	0.05	0
51	Wheat flour	51	0.05	0	81	Mustard seed	070	0.05	0
52	Wheat flour	52	0.05	0	82	Mustard seed	071	0.05	0
53	Wheat flour	53	0.05	0	83	Mustard seed	072	0.05	0
54	Wheat flour	54	0.05	0	84	Mustard seed	073	0.05	0
55	Wheat flour	55	0.05	0	85	Mustard seed	074	0.05	0
56	Wheat flour	56	0.05	0	86	Mustard seed	075	0.05	0
57	Wheat flour	57	0.05	0	87	Mustard seed	076	0.05	0
58	Wheat flour	58	0.05	0	88	Mustard seed	077	0.05	0
59	Wheat flour	59	0.05	0	89	Mustard seed	078	0.05	0
60	Wheat flour	60	0.05	0	90	Mustard seed	079	0.05	0
61	Wheat flour	61	0.05	0	91	Mustard seed	080	0.05	0
62	Wheat flour	62	0.05	0	92	Mustard seed	081	0.05	0
63	Wheat flour	63	0.05	0	93	Mustard seed	082	0.05	0
64	Wheat flour	64	0.05	0	94	Mustard seed	083	0.05	0
65	Wheat flour	65	0.05	0	95	Mustard seed	084	0.05	0
66	Wheat flour	66	0.05	0	96	Mustard seed	085	0.05	0
67	Wheat flour	67	0.05	0	97	Mustard seed	086	0.05	0
68	Wheat flour	68	0.05	0	98	Mustard seed	087	0.05	0
69	Wheat flour	69	0.05	0	99	Mustard seed	088	0.05	0
70	Wheat flour	70	0.05	0	100	Mustard seed	089	0.05	0
71	Wheat flour	71	0.05	0	101	Mustard seed	090	0.05	0
72	Wheat flour	72	0.05	0	102	Mustard seed	091	0.05	0
73	Wheat flour	73	0.05	0	103	Mustard seed	092	0.05	0
74	Wheat flour	74	0.05	0	104	Mustard seed	093	0.05	0
75	Wheat flour	75	0.05	0	105	Mustard seed	094	0.05	0
76	Wheat flour	76	0.05	0	106	Mustard seed	095	0.05	0
77	Wheat flour	77	0.05	0	107	Mustard seed	096	0.05	0
78	Wheat flour	78	0.05	0	108	Mustard seed	097	0.05	0
79	Wheat flour	79	0.05	0	109	Mustard seed	098	0.05	0
80	Wheat flour	80	0.05	0	110	Mustard seed	099	0.05	0
81	Wheat flour	81	0.05	0	111	Mustard seed	100	0.05	0
82	Wheat flour	82	0.05	0	112	Mustard seed	101	0.05	0
83	Wheat flour	83	0.05	0	113	Mustard seed	102	0.05	0
84	Wheat flour	84	0.05	0	114	Mustard seed	103	0.05	0
85	Wheat flour	85	0.05	0	115	Mustard seed	104	0.05	0
86	Wheat flour	86	0.05	0	116	Mustard seed	105	0.05	0
87	Wheat flour	87	0.05	0	117	Mustard seed	106	0.05	0
88	Wheat flour	88	0.05	0	118	Mustard seed	107	0.05	0
89	Wheat flour	89	0.05	0	119	Mustard seed	108	0.05	0
90	Wheat flour	90	0.05	0	120	Mustard seed	109	0.05	0
91	Wheat flour	91	0.05	0	121	Mustard seed	110	0.05	0
92	Wheat flour	92	0.05	0	122	Mustard seed	111	0.05	0
93	Wheat flour	93	0.05	0	123	Mustard seed	112	0.05	0
94	Wheat flour	94	0.05	0	124	Mustard seed	113	0.05	0
95	Wheat flour	95	0.05	0	125	Mustard seed	114	0.05	0
96	Wheat flour	96	0.05	0	126	Mustard seed	115	0.05	0
97	Wheat flour	97	0.05	0	127	Mustard seed	116	0.05	0
98	Wheat flour	98	0.05	0	128	Mustard seed	117	0.05	0
99	Wheat flour	99	0.05	0	129	Mustard seed	118	0.05	0
100	Wheat flour	100	0.05	0	130	Mustard seed	119	0.05	0

Mẫu kết quả rõ ràng và nhiều thông tin

- > Loại panel
- > Thông tin mẫu
- > Thông tin xét nghiệm
- > Các nhận xét
- > Thông tin về dị nguyên
- > Ảnh của các panel kết quả
- > Nồng độ sIgE (IU/mL, class)
- > Giải thích về các class (Phân loại nồng độ IgE cụ thể)

Các câu hỏi thường gặp

1) Một xét nghiệm mất bao nhiêu thời gian?

- (1) Q-STATION ELITE : 3.5 tiếng (cho 1 lần chạy 48 xét nghiệm)
- (2) Q-SCAN+ : 2.5 tiếng (Thời gian đọc là 10 giây)

2) Các panel có được tùy chỉnh không?

Có. Chúng tôi có thể tùy chỉnh các panel phù hợp với đất nước của bạn.

[Ví dụ]

PROTIA Allergy-Q 10A			
No.	Dị nguyên	No.	Dị nguyên
1	Mạt nhà D. <i>pteronysinus</i> / <i>D. farinae</i>	6	Bột mì
2	Gián	7	Tôm
3	Mèo / Chó	8	Đậu phộng
4	Sữa	9	Cây Bạch Dương
5	Lòng trắng trứng	10	Hạt Óc Chó

3) Các sản phẩm OEM hiện có sẵn không?

Có.

4) Tôi có cần thiết bị gì để làm xét nghiệm này không?

Có. Xét nghiệm này cần có thiết bị để chạy.
Q-STATION ELITE dùng cho phương pháp tự động hoàn toàn.
Q-SCAN+ dùng cho phương pháp thủ công.

5) Quy trình chạy xét nghiệm như thế nào?

Hãy xem video tham khảo trên trang web của chúng tôi.

Địa chỉ trang web là: www.proteometech.com